

UBND TỈNH QUẢNG TRỊ  
**SỞ TÀI CHÍNH**

Số: **138** /STC-QLNS

V/v đề nghị tham gia ý kiến đối  
với Dự thảo Kế hoạch triển  
khai Nghị quyết số  
111/2020/NQ-HĐND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Quảng Trị, ngày **20** tháng **01** năm 2021

Kính gửi:

- Các Sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Xây dựng; Nội vụ; Ban Dân tộc; Giáo dục và Đào tạo; Y tế;
- UBND các huyện: Hướng Hóa, Đakrông, Vĩnh Linh, Gio Linh, Cồn Cỏ.

Thực hiện Nghị quyết số 111/2020/NQ-HĐND ngày 09/12/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định thời gian, mức trợ cấp tiền mua và vận chuyển nước ngọt và sạch đối với cán bộ, công chức, viên chức công tác ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn trên địa bàn tỉnh Quảng Trị (*sau đây viết tắt là Nghị quyết số 111/2020/NQ-HĐND*);

Để có cơ sở trình UBND tỉnh xem xét, phê duyệt Kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 111/2020/NQ-HĐND, Sở Tài chính đề nghị các Sở, Ban, ngành, UBND các huyện tham gia ý kiến Dự thảo "*Kế hoạch triển khai thực hiện Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định thời gian, mức trợ cấp tiền mua và vận chuyển nước ngọt và sạch đối với cán bộ, công chức, viên chức công tác ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn trên địa bàn tỉnh Quảng Trị*" (Dự thảo kèm theo).

Ý kiến tham gia bằng văn bản và qua địa chỉ thư điện tử: [hothimyanh@quangtri.gov.vn](mailto:hothimyanh@quangtri.gov.vn) gửi Sở Tài chính **trước ngày 27/01/2021** để tổng hợp, hoàn thiện trình UBND tỉnh phê duyệt theo quy định. Sau thời hạn nêu trên, các Sở, Ban, ngành, địa phương không có ý kiến tham gia bằng văn bản gửi Sở Tài chính thì được xem như thống nhất với Dự thảo Kế hoạch.

Nội dung được đăng tải trên trang thông tin điện tử Sở Tài chính: <http://stcquangtri.gov.vn>).

Sở Tài chính đề nghị các Sở, Ban, ngành, UBND các huyện quan tâm, phối hợp thực hiện./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Giám đốc, các PGD;
- Lưu: VT, QLNS.



**GIÁM ĐỐC**

**Lê Thị Thanh**



Số: /KH-UBND

Quảng Trị, ngày tháng năm 2021

**DỰ THẢO**

**KẾ HOẠCH**

**Triển khai thực hiện Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định thời gian, mức trợ cấp tiền mua và vận chuyển nước ngọt và sạch đối với cán bộ, công chức, viên chức công tác ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn trên địa bàn tỉnh Quảng Trị**

Căn cứ Nghị quyết số 111/2020/NQ-HĐND ngày 09/12/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định thời gian, mức trợ cấp tiền mua và vận chuyển nước ngọt và sạch đối với cán bộ, công chức, viên chức công tác ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn trên địa bàn tỉnh Quảng Trị (sau đây viết tắt là Nghị quyết số 111/2020/NQ-HĐND); UBND tỉnh ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Nghị quyết trên địa bàn tỉnh Quảng Trị với các nội dung sau:

**I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU**

**1. Mục đích**

- Tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết số 111/2020/NQ-HĐND kịp thời, theo đúng quy định pháp luật.
- Xác định các nội dung, công việc cần thực hiện để các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan chủ động triển khai thực hiện phù hợp với quy định và tình hình của từng địa phương.

**2. Yêu cầu:**

Chính sách trợ cấp tiền mua và vận chuyển nước ngọt và sạch đối với cán bộ, công chức, viên chức công tác ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thiếu nước ngọt và sạch theo mùa phải được thực hiện kịp thời, đồng bộ và phù hợp với tình hình thực tế thiếu nước ngọt của mỗi địa phương.

**II. PHẠM VI, ĐỐI TƯỢNG VÀ NGUYÊN TẮC ÁP DỤNG**

**1. Phạm vi**

- Hướng dẫn thời gian hưởng, mức trợ cấp tiền mua và vận chuyển nước ngọt và sạch đối với cán bộ, công chức, viên chức công tác ở vùng có điều kiện



kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thiếu nước ngọt và sạch theo mùa trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.

- UBND tỉnh xác định danh sách vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thiếu nước ngọt và sạch theo mùa trên địa bàn tỉnh (*chi tiết theo biểu đính kèm*). Từ năm 2022, căn cứ tình hình địa bàn thiếu nước của năm trước, UBND tỉnh phê duyệt địa bàn phù hợp với điều kiện thực tế các địa phương trên địa bàn tỉnh.

## **2. Đối tượng áp dụng**

Đối tượng áp dụng theo quy định tại khoản 2, Điều 1, Nghị quyết số 111/2020/NQ-HĐND ngày 09/12/2020 của HĐND tỉnh quy định thời gian, mức trợ cấp tiền mua và vận chuyển nước ngọt và sạch đối với cán bộ, công chức, viên chức công tác ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.

## **3. Nguyên tắc áp dụng**

- Cán bộ, công chức, viên chức, người lao động thuộc đối tượng áp dụng chính sách quy định tại khoản 2 mục này, đồng thời thuộc đối tượng áp dụng chính sách cùng loại quy định tại văn bản quy phạm pháp luật khác thì chỉ được hưởng một mức cao nhất của chính sách đó.

- Trường hợp nghỉ hưu, thôi việc hoặc chuyển công tác ra khỏi vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thì thôi hưởng trợ cấp từ ngày nghỉ hưu, thôi việc hoặc chuyển công tác.

- Cán bộ, công chức, viên chức, người lao động công tác ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thiếu nước ngọt và sạch theo mùa là vùng do điều kiện tự nhiên không có nước ngọt và sạch hoặc có nhưng không đủ phục vụ nhu cầu sinh hoạt từ 01 tháng liên tục trở lên trong năm. Đồng thời, kết thúc hỗ trợ khi đạt một trong các tiêu chí:

+ Thoát khỏi danh sách vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn theo quy định của cấp thẩm quyền;

+ Vùng đã có nước sạch phủ đến.

- Thời gian tính hưởng chế độ trợ cấp tiền mua và vận chuyển nước ngọt và sạch thực hiện theo quy định tại Điều 13 Nghị định số 76/2019/NĐ-CP ngày 08/10/2019 của Chính phủ về chính sách đối với cán bộ, công chức, viên chức và người hưởng lương trong lực lượng vũ trang công tác ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

## **III. Mức trợ cấp, thời gian hưởng**



1. Mức trợ cấp tiền mua và vận chuyển nước ngọt và sạch: 370.000 đồng/người/tháng (*Ba trăm bảy mươi ngàn đồng*).

2. Thời gian hỗ trợ: 6 tháng/năm, thực hiện từ ngày 01/01/2021.

#### **IV. Nguồn kinh phí và trách nhiệm chi trả**

Thực hiện theo quy định tại khoản 1, 2 Điều 4 Nghị quyết số 111/2020/NQ-HĐND ngày 09/12/2020 của HĐND tỉnh quy định thời gian, mức trợ cấp tiền mua và vận chuyển nước ngọt và sạch đối với cán bộ, công chức, viên chức công tác ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.

#### **V. Tổ chức thực hiện**

##### **1. Sở Tài chính**

- Tham mưu UBND tỉnh bố trí kinh phí thực hiện chính sách trợ cấp tiền mua và vận chuyển nước ngọt và sạch đối với cán bộ công chức, viên chức công tác ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thiếu nước ngọt theo mùa trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.

- Hướng dẫn quyết toán kinh phí thực hiện chính sách theo quy định.

##### **2. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn**

- Căn cứ các quyết định của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; danh sách vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thiếu nước ngọt và sạch theo mùa quy định tại khoản 1, mục II và tình hình thực tế địa bàn thiếu nước ngọt của năm trước liền kề do các đơn vị, địa phương báo cáo; Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với Sở Nội vụ, Ban Dân tộc, Ủy ban nhân dân các huyện rà soát, xác định địa bàn thiếu nước ngọt và sạch theo mùa trình UBND tỉnh phê duyệt vào thời điểm tháng 01 năm sau làm cơ sở thực hiện chính sách.

- Tổng hợp danh sách cán bộ, công chức, viên chức, người lao động được hưởng chính sách trợ cấp tiền nước ngọt theo phân cấp quản lý gửi Sở Nội vụ xác nhận đối tượng.

- Báo cáo nhu cầu kinh phí thực hiện chính sách trợ cấp của các đơn vị trực thuộc cùng thời điểm lập dự toán ngân sách nhà nước hàng năm; đồng thời xác định nhu cầu và nguồn kinh phí thực hiện cải cách tiền lương theo quy định.

- Chỉ đạo các đơn vị trực thuộc triển khai đầy đủ, thực hiện kịp thời chính sách trợ cấp theo quy định.

##### **3. Sở Xây dựng**

Hàng năm, báo cáo UBND tỉnh (*qua Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn*) tình trạng sử dụng hệ thống cấp nước sạch các địa phương và các địa



phương chưa có hệ thống đầu nối liên thông công trình cấp nước tập trung nên không thể bơm nước chống hạn và khả năng thiếu nước xảy ra.

#### **4. Các Sở: Giáo dục và Đào tạo, Y tế**

- Căn cứ Quyết định phê duyệt của UBND tỉnh về vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thiếu nước ngọt và sạch theo mùa trên địa bàn tỉnh; Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Y tế chỉ đạo các đơn vị trực thuộc tổng hợp danh sách cán bộ, công chức, viên chức, người lao động gửi Sở Nội vụ xác nhận đối tượng được hưởng chính sách.

- Báo cáo nhu cầu kinh phí thực hiện chính sách trợ cấp của các đơn vị trực thuộc cùng thời điểm lập dự toán ngân sách nhà nước hàng năm; đồng thời xác định nhu cầu và nguồn kinh phí thực hiện cải cách tiền lương theo quy định.

- Tổ chức triển khai đầy đủ, thực hiện kịp thời chính sách trợ cấp theo quy định.

#### **5. Sở Nội vụ**

Căn cứ quyết định của UBND tỉnh về vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thiếu nước ngọt và sạch theo mùa trên địa bàn tỉnh và đề nghị của các đơn vị; Sở Nội vụ rà soát, xác nhận danh sách cán bộ, công chức, viên chức, người lao động theo phân cấp quản lý đang công tác ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn được hưởng chính sách trợ cấp tiền nước ngọt.

#### **6. Ủy ban nhân dân các huyện**

- Vào thời điểm tháng 11 hàng năm, căn cứ tình hình thực tế thiếu nước trong năm các địa bàn thuộc phân cấp quản lý, UBND các huyện tổng hợp vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thiếu nước ngọt và sạch theo mùa, trình UBND tỉnh (*qua Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn*) phê duyệt.

- Căn cứ quyết định của UBND tỉnh về vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thiếu nước ngọt và sạch theo mùa trên địa bàn tỉnh; UBND huyện chỉ đạo:

+ Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện, UBND các xã tổng hợp danh sách cán bộ, công chức, viên chức, người lao động đang công tác ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thiếu nước ngọt và sạch theo mùa gửi Phòng Nội vụ xác nhận đối tượng được hưởng chính sách.

+ Phòng Nội vụ huyện rà soát, xác nhận danh sách cán bộ, công chức, viên chức, người lao động theo phân cấp quản lý được hưởng chính sách trợ cấp tiền nước ngọt.

+ Phòng Tài chính – Kế hoạch huyện (*Phòng Kinh tế hạ tầng huyện đảo Côn Cỏ*) lập dự toán kinh phí thực hiện chính sách cùng thời điểm lập dự toán



ngân sách nhà nước hàng năm gửi Sở Tài chính. Đồng thời xác định nhu cầu và nguồn kinh phí thực hiện chính sách cải cách tiền lương theo quy định.

- Tổ chức thực hiện và chỉ đạo các đơn vị, địa phương liên quan triển khai đầy đủ, kịp thời chính sách trợ cấp theo quy định.

### **7. Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn**

- Vào thời điểm tháng 10 hàng năm, căn cứ tình hình thực tế thiếu nước trên địa bàn theo phân cấp quản lý, báo cáo UBND huyện vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thiếu nước ngọt và sạch theo mùa và chịu trách nhiệm về tính chính xác thông tin cung cấp.

### **8. Thủ trưởng các Sở, ban, ngành, đơn vị, địa phương có liên quan**

Chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện chính sách và quản lý, sử dụng kinh phí chi trả chính sách đúng quy định.

Riêng năm 2021, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thiếu nước ngọt và sạch theo mùa trên địa bàn tỉnh, thực hiện theo quy định tại khoản 1, mục II của Kế hoạch. Các đơn vị, địa phương tổng hợp danh sách cán bộ, công chức, viên chức, người lao động (*có xác nhận của Sở Nội vụ, Phòng Nội vụ*); báo cáo nhu cầu kinh phí gửi Sở Tài chính tổng hợp, trình UBND tỉnh bổ sung kinh phí.

Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, yêu cầu các cơ quan, đơn vị, địa phương báo cáo UBND tỉnh (qua các Sở: Tài chính, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn) để xem xét, giải quyết./.

**Nơi nhận:**

- TT/Tỉnh Ủy, TT/HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các Sở: Tài chính, NN&PTNT, Nội vụ, GD&ĐT, y tế, Xây dựng;
- UBND các huyện Hướng Hóa, Đakrông, Vĩnh Linh, Gio Linh; Cồn Cỏ;
- Lưu: VT, TM.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**

**SỞ TÀI CHÍNH KINH TRÌNH  
GIÁM ĐỐC**

**Võ Văn Hưng**

**Lê Thị Thanh**





| TT | Tên địa bàn  | Thôn, bản            | Ghi chú  |
|----|--------------|----------------------|--|
|    |              | Thôn A Rông          |  |
|    | Xã Húc       |                      |  |
|    |              | Thôn Ván Ri          | Chỉ cơ quan, đơn vị đóng trên địa bàn thôn Húc Ván |
|    |              | Thôn Ta Ri 2         |  |
|    |              | Thôn Ta Núc          |  |
|    |              | Thôn Húc Thượng      |  |
|    |              | Thôn Ho Le           |  |
|    |              | Thôn Ta Rùng         |  |
|    |              | Thôn Cu Dông         |  |
|    |              | Thôn Ta Cu           |  |
|    | Xã Hướng Sơn |                      |  |
|    |              | Thôn Ra Ly - Rào     |  |
|    |              | Thôn Nguồn Rào - Pin |  |
|    |              | Thôn Hồ              |  |
|    |              | Thôn Mới             |  |
|    |              | Thôn Trĩa            |  |
|    |              | Thôn Cát             |  |
|    | Xã A Dơi     |                      |  |
|    |              | Thôn A Dơi Đór       |  |
|    |              | Thôn Xa Doan         |  |
|    |              | Thôn Proi Xy         |  |
|    |              | Thôn Prin Thành      |  |
|    |              | Thôn A Dơi Cô        |  |
|    |              | Thôn Đồng Tâm        |  |
|    | Xã Hướng Lộ  |                      |  |
|    |              | Thôn Cu Ta Ka        |  |



| TT | Tên địa bàn   | Thôn, bản           | Ghi chú  |
|----|---------------|---------------------|--|
|    |               | Thôn Trầm Cheng     |  |
|    |               | Thôn Ra Ty          |  |
|    |               | Thôn Ta Xia         |  |
|    |               | Thôn Cu Ty          |  |
|    |               | Thôn Cửa            |  |
|    | Xã Xy         |                     |  |
|    |               | Thôn Troan La Reo   |  |
|    |               | Thôn Ra Po          |  |
|    |               | Thôn Ra Man         |  |
|    | Xã Hướng Tân  |                     |  |
|    |               | Thôn Xa Rường       |  |
|    | Xã Thanh      |                     |  |
|    |               | Thôn Ba Viêng       |  |
|    |               | Bản 10              |  |
|    |               | Thôn A Ho           |  |
|    |               | Thôn Thanh 1        |  |
|    |               | Thôn Thanh Ô        |  |
|    |               | Thôn mới            |  |
|    | Xã Hướng Việt |                     |  |
|    |               | Thôn Ka Tiêng       |  |
|    |               | Thôn Tà Rùng        |  |
|    |               | Thôn Xà Đung        |  |
|    |               | Thôn Trắng-Tà Puông |  |
|    | Xã Hướng Linh |                     | Không có vùng thiếu nước                           |
|    | Xã Lia        |                     |  |
|    |               | Thôn Tăng Cô Hang   | Chỉ cơ quan, đơn vị đóng trên địa bàn thôn Tăng Cô |



| TT        | Tên địa bàn                   | Thôn, bản      | Ghi chú  |
|-----------|-------------------------------|----------------|--|
|           |                               | Thôn Kỳ Nơi    |  |
|           |                               | Thôn A Xóc Lia | Chỉ cơ quan, đơn vị đóng trên địa bàn thôn Húc, Palu |
|           | <b>Thôn đặc biệt khó khăn</b> |                |  |
|           |                               | Thôn Hà Lệt    |  |
|           |                               | Thôn Ka Túp    |  |
|           |                               | Thôn Úp Ly 2   |  |
| <b>II</b> | <b>HUYỆN ĐAKRÔNG</b>          | -              |  |
|           | <b>Xã Khu vực III</b>         |                |  |
|           | Xã Ba Nang                    |                |  |
|           |                               | Ra Lây         |  |
|           |                               | Thôn Ba Nang   |  |
|           |                               | Thôn Đá Bàn    |  |
|           |                               | Sa Trâm        |  |
|           |                               | Ra Poong       |  |
|           | Xã Húc Nghi                   |                |  |
|           |                               | Thôn Húc Nghi  |  |
|           |                               | Thôn Cựp       |  |
|           |                               | Thôn La Tó     |  |
|           |                               | Thôn 37        |  |
|           | Xã A Bung                     |                |  |
|           |                               | Thôn Cu Tài 2  |  |
|           |                               | Thôn A Bung    |  |
|           |                               | Thôn Ty Nê     |  |
|           |                               | Thôn Cựp       |  |
|           |                               | Thôn Pire 1    |  |



| TT | Tên địa bàn   | Thôn, bản     | Ghi chú   |
|----|---------------|---------------|---|
|    |               | Thôn Pire 2   |   |
|    | Xã Hướng Hiệp |               |   |
|    |               | Thôn Phú An   |   |
|    |               | Thôn Ruộng    |   |
|    |               | Khe Hà        | Chỉ cơ quan, đơn vị đóng trên địa bàn thôn Khe Hiên và Hà Bạc |
|    |               | Thôn Gia Giã  |   |
|    | Xã A Ngo      |               |   |
|    |               | Thôn La Lay   |   |
|    |               | thôn A Deng   |   |
|    |               | A Ngo         |   |
|    |               | Thôn A La     |   |
|    |               | Thôn Kỳ Neh   | Chỉ cơ quan, đơn vị đóng trên địa bàn thôn Ăng Công           |
|    |               | A Rông trên   |   |
|    |               | A Rông dưới   |   |
|    | Xã A Vao      |               |   |
|    |               | Thôn A Vao    | Chỉ cơ quan, đơn vị đóng trên địa bàn thôn A Vao cũ           |
|    |               | Thôn Ra Ró    |   |
|    |               | Thôn Tân Đi 1 |   |
|    |               | Thôn Tân Đi 2 |   |
|    |               | Thôn Tân Đi 3 |   |
|    |               | Thôn Pa Ling  |   |
|    | Xã Đakrông    |               |   |
|    |               | Thôn Klu      |   |
|    |               | Thôn Vùng Kho |   |
|    |               | Thôn Chân Rò  |   |



| TT         | Tên địa bàn                   | Thôn, bản     | Ghi chú  |
|------------|-------------------------------|---------------|--|
|            |                               | Thôn Khe Ngài |  |
|            |                               | Thôn Xã Lãng  |  |
|            |                               | Thôn Pa Tầng  |  |
|            |                               | Thôn Làng Cát |  |
|            |                               | Thôn Tà lêng  |  |
|            | Xã Tà Long                    |               |  |
|            |                               | Trại cá       |  |
|            |                               | Thôn Tà Lao   |  |
|            |                               | thôn Ly Tôn   |  |
|            |                               | Thôn Chai     |  |
|            |                               | Thôn Pa Ngây  |  |
|            |                               | Thôn PaHy     |  |
|            |                               | Thôn Xipa     |  |
|            |                               | Thôn Ngược    | Theo Quyết định số 2113/QĐ-UBND ngày 04/8/2020   |
|            | Xã Tà Rụt                     |               |  |
|            |                               | Thôn A.Pul    | Chỉ cơ quan, đơn vị đóng trên địa bàn thôn A Pun |
|            |                               | Thôn A Đẳng   |  |
|            |                               | Thôn A Liêng  |  |
|            |                               | Thôn Tà rụt 1 |  |
|            | <b>Thôn đặc biệt khó khăn</b> |               |  |
|            |                               | Thôn Khe Luồi |  |
|            |                               | Thôn 5        |  |
| <b>III</b> | <b>HUYỆN CAM LỘ</b>           | -             | Không có vùng thiếu nước                         |
| <b>IV</b>  | <b>HUYỆN GIO LINH</b>         | -             |  |
|            | Xã Linh Trường                |               |  |

| TT        | Tên địa bàn             | Thôn, bản         | Ghi chú   |
|-----------|-------------------------|-------------------|---|
|           |                         | Cu Đình           |   |
|           |                         | Thôn Khe Me       |   |
|           |                         | Thôn Trường Thành |   |
|           |                         | Bến tắt           | Chỉ cơ quan, đơn vị trước đây đóng trên địa bàn thôn Xóm bầu cũ |
| <b>V</b>  | <b>HUYỆN VĨNH LINH</b>  | -                 |   |
|           | <b>Xã Khu vực III</b>   |                   |   |
|           | Xã Vĩnh Ô               |                   |   |
|           |                         | Thôn Xà lời       |   |
|           |                         | Thôn Mít          |   |
|           |                         | Thôn xóm mới      | Chỉ cơ quan, đơn vị trước đây đóng trên địa bàn thôn Xóm mới 1  |
|           | Xã Vĩnh Khê             |                   |   |
|           |                         | Thôn mới          | Chỉ cơ quan, đơn vị trước đây đóng trên địa bàn thôn Khe Lương  |
| <b>VI</b> | <b>Huyện đảo Côn Cỏ</b> |                   |   |

### **Ghi chú:**

Danh sách vùng có điều kiện KT-XH đặc biệt khó khăn thiếu nước ngọt và sạch theo mùa trên địa bàn tỉnh Quảng Trị được xác định theo các văn bản sau:

- Quyết định số 582/QĐ-TTg ngày 28/4/2017 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt danh sách thôn đặc biệt khó khăn, xã khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2016-2020;
- Quyết định số 131/QĐ-TTg ngày 25/01/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt danh sách các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo giai đoạn 2016-2020;
- Nghị quyết số 832/NQ-UBTVQH14 ngày 17/12/2019 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Quảng Trị;
- Nghị quyết số 21/NQ-HĐND ngày 20/7/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc sắp xếp, sáp nhập, đổi tên thôn, khu phố và hỗ trợ đối với người hoạt động không chuyên trách ở thôn, khu phố dôi dư sau khi sắp xếp, sáp nhập thôn, khu phố trên địa bàn tỉnh Quảng Trị;
- Báo cáo của các đơn vị, địa phương về vùng chưa có nước sạch phủ đến.